SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

 **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN GDCD – KHỐI 10**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **tổng số câu** | **Tổng thời gian** | **tỉ lệ %** |
| **NHẬN BIÊT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | **VẬN DỤNG CAO** |
| **Ch TN** | **Tg** | **ch TL** | **Tg** | **chTN** | **Tg** | **ch TL** | **Tg** | **chTN** | **Tg** | **ch TL** | **Tg** | **chTN** | **Tg** | **ch TL** | **Tg** | **Ch TN** | **Ch TL** |  |  |
| 1 | Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. |  | *-* | *1* | *5* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *0* | *1* | *5* | *10%* |
| 2 | Chất, lượng. |  | *-* | *1* | *5* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *0* | *1* | *5* | *10%* |
| 3 | Mối quan hệ sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất. |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *1* | *4* |  | *-* | *1* | *4* |  | *-* |  | *-* | *0* | *2* | *8* | *20%* |
| 4 | Phủ định: biện chứng, siêu hình, phủ định của phủ định |  | *-* | *1* | *5* |  | *-* | *1* | *4* |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *1* | *5* | *0* | *3* | *14* | *30%* |
| 5 | Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng. |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *1* | *4* |  | *-* |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *0* | *1* | *4* | *10%* |
| 6 | Nhận thức và thực tiễn. |  | *-* | *1* | *5* |  | *-* |  | *-* |  | *-* | *1* | *4* |  | *-* |  | *-* | *0* | *2* | *9* | *20%* |
| ***Tổng*** | ***0*** | ***0*** | ***4*** | ***20*** | ***0*** | ***0*** | ***3*** | ***12*** | ***0*** | ***0*** | ***2*** | ***8*** | ***0*** | ***0*** | ***1*** | ***5*** | ***0*** | ***10*** | **45** | **100%** |
| ***Tỉ lệ*** | 40% | 30% | 20% | 10% |  |  |  | 100% |
| **Tổng điểm** | ***4*** | ***3*** | ***2*** | ***1*** |  |  |  | 10 |

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

 **TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT H.BC**

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN GDCD – KHỐI 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **p** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra** | **Câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng. | Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. | **Nhận biết:** nhận biết được và nêu được tên các khái niệm về dự thống nhất và sự đấu tranh giữa các mặt đối lập. | **1** |  |  |  |
| 2 | Chất, lượng. | **Nhận biết:** nêu được tên các khái chất, lượng. Trình bày được ví dụ từ thực tế. | **1** |  |  |  |
| 3 | Mối quan hệ sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất. | **Thông hiểu:** nắm bắt được nội dung cơ bản để nêu được sự khác nhau trong mối quan hệ biến đổi về lượng.**Vận dụng thấp:** Phân tích về sự thay đổi về chất của sự vật và hiện tượng khi lượng biến đổi. |  | **1** | **1** |  |
| 4 | Phủ định: biện chứng, siêu hình, phủ định của phủ định | **Nhận biết:** nhận biết được và phân biệt được phủ định biện chứng và phủ định siêu hình.**Thông hiểu:** xác định được các lần phủ định của sự vật và hiện tượng và rút ra được nội dung phủ định của phủ định.**Vận dụng cao:** áp dụng phủ định biện chứng trong nhận định các tình huống thực tế. | **1** | **1** |  | **1** |
| 5 | Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng | **Thông hiểu:** nắm bắt được ý nghĩa của bài học và rút ra kết luận về khuynh hướng phát triển. |  | **1** |  |  |
| 6 | Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. | Nhận thức và thực tiễn. | **Nhận biết:** nhận biết được nhận thức, nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính là gì.**Vận dụng thấp:** Phân tích ví dụ thực tế và chỉ ra quá trình nhận thức. | **1** |  | **1** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt của Ban Giám hiệu** |  |  |
| **Hiệu phó chuyên môn**(đã ký)**Trần Thị Huyền Trang** |  | **Tổ trưởng chuyên môn****(đã ký)****Nguyễn Thị Kiều Oanh** |

*Nơi nhận:*

*+ BGH;*

*+ GV trong tổ;*

*+ Lưu hồ sơ CM.*